TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 231/2023/QĐST-HNGĐ	*L, ngày 09 tháng 6 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số:79/2023/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023, Về việc " Ly hôn, Tranh chấp nuôi con" giữa:

- Nguyên đơn: chị Nguyễn Ngọc Phương T, sinh năm 1992.
- Bị đơn: anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993.

* Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Cháu Nguyễn Ngọc Thuỳ D, sinh ngày 09/9/2015.

Cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 27/06/2021.

Cùng địa chỉ: ấp NL, xã B, huyện L, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55;71;72;81;107;116;117 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 01 tháng 06 năm 2023.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 06 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Nguyễn Ngọc Phương T, sinh năm 1992 với anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1993.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: chị Nguyễn Ngọc Phương T và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện thuận tình ly hôn.
- Về con chung: chị Nguyễn Ngọc Phương T và anh Nguyễn Văn Q xác định

có 02 con chung tên cháu Nguyễn Ngọc Thuỳ D, sinh ngày 09/9/2015, và cháu Nguyễn Ngọc Phương N, sinh ngày 27/06/2021. Sau khi ly hôn chị Nguyễn Ngọc Phương T và anh Nguyễn Văn Q , thỏa thuận để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng 02 cháu Thuỳ D, và cháu Phương N là phù hợp với nguyện của cháu Thuỳ D, do chị T không có yêu cầu anh Q phụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung, nên không đặt ra xem xét.

Anh Nguyễn Văn Q được quyền tới lui, thăm nom, chăm sóc, nuôi dạy, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cấm.

- Về tài sản chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Nợ chung: không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Chị Nguyễn Ngọc Phương T tự nguyện chịu toàn bộ số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 150.000 đồng (một trăm năm chục ngàn đồng), nhưng được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền AA/2020, số: 0013815, ngày 20/03/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Trà Vinh, chị T được nhận lại 150.000đ tiền tạm ứng án phí còn thừa.
- Anh Nguyễn Văn Q không phải chịu tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện KSND huyện L;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện L.
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Lê Văn Tâm